TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 53/2023/HS-ST
Ngày 10/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Giáp Quang Huy
Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thiện
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 10/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2023/TLST-HS ngày 14/7//2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXXST-HS ngày 21/7/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Văn K, sinh năm 1991 (tên gọi khác: Không); nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Bắc G; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn C, sinh năm 1962 (đã chết); con bà: Lê Thị T, sinh năm 1963; vợ: Dương Thị Minh Th, sinh năm 1996; có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Bị hại:
1. Chị Trần Thị V, sinh năm 1981 (đã chết)
Nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc G.
2. Bà Lưu Thị Kh, sinh năm 1971 (đã chết)
Nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc G.

Người đại diện hợp pháp của bị hại (chị V):
1. Ông Trần Khắc C, sinh năm 1956 (vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1957 (vắng mặt)
Đều cư trú: Thôn Ng, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc G.
3. Cháu Nguyễn V Anh, sinh năm 2000 (vắng mặt)
4. Cháu Nguyễn Thành Ph, sinh năm 2007 (vắng mặt)
5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (có mặt)
Đều cư trú: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc G.
Những người đại diện hợp pháp của bị hại đều ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T theo giấy ủy quyền ngày 14/4/ 2023.

Người đại diện hợp pháp của bị hại (bà Kh):
1.Ông Lưu Văn C, sinh năm 1948 (vắng mặt)

2. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn Ng, xã L, huyện T, tỉnh Bắc G.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1998 (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 (có mặt)

Đều cư trú: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc G.

Những người đại diện hợp pháp của bị hại đều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L theo giấy ủy quyền ngày 28/4/ 2023 (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vi Văn G, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Bắc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Sáng ngày 25/3/2023, anh Vi Văn G, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Bắc G nhờ bạn là Trịnh Văn K, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện T (K có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98C-286.83 của anh G để đi gặp khách hàng, được K đồng ý. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, K điều khiển xe ô tô đến huyện V, tỉnh Bắc G để đón Trần Thị Th, sinh năm 1986 ở xã Q, huyện V, tỉnh Bắc G và Nguyễn Sỹ D, sinh năm 1993 ở xã Đ, huyện Ha, tỉnh Bắc G là bạn cùng làm với anh G để đi Hội thảo khách hàng tại huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G. Khi đón được chị Th và anh D, K tiếp tục điều khiển xe ô tô chở anh G ngồi ghế phụ phía trước, chị Th, anh D ngồi ghế sau đi theo hướng xã V, huyện V đi xã Ng, huyện T với tốc độ khoảng 70km/h. Khi đến đoạn đường Km 32+270 gần ngã 4 giao giữa đường tỉnh lộ 398B với đường nhánh (Minh Đức - Ng) đoạn cây xăng thuộc xã Ng, huyện T. Lúc này, K quan sát thấy trên đường bên phải có biển báo hiệu giao nhau với đường không ưu tiên và phía đường nhánh bên trái theo hướng K đi có một chiếc xe ô tô tải đi đến ngã 4 đang giảm tốc độ để nhường đường. K tiếp tục điều khiển xe đến gần ngã 4 thì K nhìn sang bên phải đường thấy có xe mô tô biển kiểm soát 98H1-183.84 do chị Trần Thị V, sinh năm 1981 điều khiển chở theo bà Lưu Thị Kh, sinh năm 1971 cùng ở thôn B, xã A, huyện T đi từ đường nhánh bên phải hướng (M - Ng). Lúc này, anh D trên xe quan sát thấy có xe mô tô đang sang đường có hô "Kìa", K liền đạp hết phanh đồng thời đánh lái sang trái để tránh nhưng do khoảng cách quá gần và xe ô tô đang di chuyển với tốc độ khoảng 60 - 65km/h nên không tránh được, xe ô tô K điều khiên đã đâm vào xe mô tô của chị V. Hậu quả, chi V bị văng lên lắp ca po của xe ô tô, xe mô tô đổ rê trượt về phía trước, xe ô tô do K điều khiển bị nổ lốp bên phải di chuyển sang phần đường bên trái khoảng hơn 10m thì dừng lại. Sau khi va chạm, K xuống xe thấy cả chị V và chị Kh nằm bất tỉnh trên đường, K nhờ mọi người xung quanh đưa hai nạn nhân đi cấp cứu nhưng cả chị V và bà Kh đều tử vong.

Nơi xảy ra tai nạn tại đường tại Tỉnh lộ 398B, có mặt đường trải nhựa, thẳng, phẳng, rộng 11m, bên trái có lối rẽ đi xã Ng, huyện T, bên phải có lối rẽ đi xã Minh Đức, huyện V. Chọn mép phải đường Tỉnh lộ 398B làm mép đường chuẩn.

Tại hiện trường để lại: Dấu vết mảnh vỡ màu trắng, trên mặt đường, ký hiệu số 1, có kích thước (0,38x0,18)m, tâm vết cách cột mốc số H3/32 (mốc) là 30,13m, cách mép đường chuẩn 6,68m. Dấu vết mài bám cao su trên mặt đường, ký hiệu số 2, có

kích thước (0,19x15,95)m, cách tâm dấu vết số (1) là 0,95m, cách mép đường chuẩn 6,2m, điểm cuối vết nằm trùng với vị trí phía dưới trục trước bên phải xe ô tô biển kiểm soát 98C - 286.83. Dấu vết cày xước mặt đường, dạng không liên tục, ký hiệu số 3, có kích thước (0,8x11,65)m, cách tâm đầu dấu vết số (2) là 6,6m, cách mép đường chuẩn 6,24m, cuối vết cách mép đường chuẩn 6,97m nằm trùng với để chân trước bên trái xe mô tô biển kiểm soát 98H1 - 183.84. Dấu vết mảnh nhựa vỡ trên mặt đường, ký hiệu số 4, có kích thước (10,60x3,6)m, cách tâm điểm đầu vết số (3) là 6,5m, tâm vết cách mép đường chuẩn 3,85m. Xe ô tô biển kiểm soát 98C-286.83, ký hiệu số 5, trục bánh trước bên trái cách mép đường chuẩn 1,4m, trục bánh sau bên trái cách mép đường chuẩn 1,45m, trục bánh trước bên phải cách tâm dấu vết số (4) là 0,62m, đầu xe quay về hướng xã Ng. Đám dấu vết máu, ký hiệu số 6, có kích thước (0,8x0,5)m, tâm vết cách mép đường chuẩn 0,8m, cách trục trước phải xe ô tô 5,2m, cách trục sau phải xe ô tô 6,45m. Xe mô tô biển kiểm soát 98H1-183.84, ký hiệu số 7, đổ nghiêng trái trên mặt đường, đầu xe hướng đi xã Th, huyện V, trục bánh trước cách mép đường chuẩn 6,95m, trục bánh sau cách mép đường chuẩn 7,2m, trục bánh trước cách tâm vết số 6 là 1,3m. Vùng nhựa vỡ rải rác trên mặt đường, ký hiệu số 8, có kích thước (12,5x3,2)m, tâm vết cách mép đường chuẩn 8,13m, cách trục bánh sau bên phải xe ô tô biển kiểm soát 98C - 286.83 ký hiệu số (5) là 5,44m, cách trục bánh trước xe mô tô biển kiểm soát 98H1 - 183.84 ký hiệu số (7) là 03m. Mở rộng xung quanh hiện trường không phát hiện dấu vết đồ vật gì có liên quan.

Ngày 29/3/2023 anh Giáp Tuấn L, sinh năm 1991 ở thôn B, xã Song V, huyện T giao nộp 01 đĩa DVD nhãn hiệu Maxell màu vàng, bên trong lưu trữ đoạn Video ghi lại diễn biến vụ tai nạn giao thông ngày 25/3/2023 do camera tại cây xăng do anh L làm việc ghi lại.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra nồng độ cồn đối với Trịnh Văn K. Kết quả đo: 0,000mg/L. Tại phiếu kết quả xét nghiệm hóa sinh đối với Lưu Thị Kh xác định: Định lượng Ethanol (cồn) Máu = 39.0mmol/L. Trần Thị V: Định lượng Ethanol (cồn) Máu = 151.6mmol/L (BL 210-211).

+ Kết quả khám nghiệm tử thi Trần Thị V:

Khám ngoài: Tử thi nữ giới, được xác định là Trần Thị V, thể trạng trung bình dài đỉnh gót 162cm. Tử thì mặc áo chống nắng hoa xanh đỏ. Trong mặc áo phông màu cam. Mặc quần dài màu đen. Trong mặc quần lót màu đen. Tử thi đang trong giai đoạn mềm lạnh. Da, niêm mạc nhợt nhạt. Đầu: Tóc ngang vai, nhuộm nâu. Vùng đỉnh chẩm trái có vết thương rách da kích thước (4x0,5)cm, bờ mép gọn, sâu tới xương, xung quanh sưng nề kích thước (10x 8)cm. Mặt: Hai mắt nhắm tự nhiên, mũi miệng hai tại khô. Hố mắt trái bầm tím kích thước (5x3)cm. Môi trên bên trái có vết chợt da kích thước (3x01)cm. Vùng góc hàm trái có đám chợt da kích thước (5x3,5)cm vành tai trái có vết chợt da kích thước (1x0,5)cm. Cổ: Lỏng lẻo, mất vững. Vùng ngực, bụng, lưng, mông: Trước ngực trái có đám bầm tím kích thước 8x8cm. Gãy xương đòn trái. Thắt lưng trái có vết chợt da kích thước (10x8)cm. Chọc hút khoang màng phổi bên phải ra máu không đông màu đỏ. Tay trái: Mặt sau 1/3 giữa cánh tay trái có vết thương rách da kích thước (3x0,5)cm, xung quanh bầm tím, chợt da kích thước (15x12)cm. Mặt sau cổ tay trái có vết chợt da, bầm tím kích thước (5x4)cm. Mu bàn tay trái có vết chợt da bầm tím kích thước (9x6)cm. Tay phải: Mặt ngoài 1/3 dưới cánh tay phải có vết bầm tím kích thước (8x5)cm. Mặt sau trong cánh tay phải có vết bầm tím kích thước (13x8)cm. Mu bàn ngón 1 tay phải có vết chợt da

bầm tím kích thước (7x3)cm. Chân phải: Mặt trong đùi phải có vết bầm tím kích thước (13x10)cm. Mặt trước 1/3 dưới đùi phải có vết bầm tím kích thước (6x5)cm. Gối phải có vết thương rách da kích thước (4x1)cm. Kheo chân phải có vết chợt da, bầm tím kích thước (9x7)cm. Chân trái: Mặt ngoài đùi trái có nhiều vế chợt da, bầm tím toàn diện (19x12)cm. Gối trái có vết chợt da kích thước (1x0,5)cm. Mặt trước ngoài căng chân trái có vết chợt da kích thước (3x2)cm. Mắt cá ngoài chân trái có vết chợt da, bầm tím kích thước (4x4)cm. Bộ phận sinh dục ngoài: Không tổn thương. Hậu môn không thoát phân. Khám bên ngoài: Không phát hiện tổn thương nào khác.

Khám trong sọ não: Mở rộng vết thương vùng định chẩm trái thấy tụ máu tổ chức da đầu quanh vết thương kích thước (16x14)cm. Xương sọ trắng nhẵn. Vùng cổ: Trật rời đốt sống cổ 1, cổ 2. Đứt ngang tủy sống đoạn C1, C2.

+ Kết quả khám nghiệm tử thi Lưu Thị Kh:

Khám ngoài: Tử thi nữ giới, được xác định là Lưu Thị Kh, thể trạng trung dài đỉnh gót 150cm. Tử thi mặc áo dài tay màu nâu. Trong mặc áo cộc tay màu đen hoa đỏ. Mặc áo con màu be. Mặc quần dài màu đen. Trong mặc quần lót sọc ngang đỏ. Tử thi đang trong giai đoạn cứng xác. Da, niêm mạc nhợt nhạt. Đầu: Tóc đen dài ngang vai. Vùng trán có vết chợt da sưng nề kích thước (7x5) cm. Sau chân vành tai trái có vết thương rách da kích thước (2,5x2)cm. Mặt: Hai mắt nhắm tự nhiên, mũi, miệng, hai tai khô, má trái có vết chợt da kích thước (2,5x0,5)cm. Cổ: Chắc, kiểm tra không thấy dấu vết thương tích. Vùng ngực, bụng, lưng, mông: Gãy xương sườn 6,7,8,9 cung trước và cung bên bên trái. Chọc hút khoang màng phổi bên trái ra nhiều máu không đông màu đỏ. Mông trái có vết chợt da kích thước (5x2,5)cm. Tay trái. Mặt sau 1/3 giữa cánh tay trái có vết thương rách da kích thước (3x0,5)cm, xung quanh bầm tím, chợt da kích thước (15x12)cm. Mặt sau cổ tay trái có vết chợt da, bầm tim kích thước (5x4)cm. Mu bàn tay trái có vết chợt da bầm tím kích thước (9x6)cm. Tay phải: Khủy tay phải có 2 vết chợt da kích thước (0,5x0,5)cm và (0,5x0,2)cm. Chân phải: Mặt ngoài cổ chân phải có vết chợt da kích thước (2x1)cm. Mặt trong cổ chân phải có vết bầm tím kích thước (5x4)cm. Gót chân phải có vết chợt da kích thước (1,5x01)cm Chân trái: Gãy 1/3 trên và 1/3 dưới xương đùi trái. Gối trái và 1/3 trên cẳng chân trái có vết chợt da, bầm tím kích thước (15x8)cm. Mặt trước 1/3 giữa căng chân trái có vệt chợt da, bầm tím (4x2,5)cm. Mắt cá ngoài chân trái có vết bầm tím kích thước (7x4)cm. Gót chân trái có vết chợt da kích thước (0,5x0,5)cm. Bộ phận sinh dục ngoài: Không tổn thương. Hậu môn không thoát phân. Khám bên ngoài không phát hiện tổn thương nào khác.

Khám trong sọ não: Tụ máu tổ chức dưới da đầu vùng trán kích thước (7x4)cm. Xương sọ trắng nhẵn.

Tại Kết luận giám định tử thi số 4560/KLGĐTT-TTPY ngày 25/4/2023 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc G, kết luận:

Ng nhân chết của Trần Thị V: Chết do Chấn thương cột sống cổ: Trật rời đốt sống cổ 1, cổ 2. Đứt ngang tủy sống đoạn C1, C2. Kết luận khác: Các tổn thương ở mục kết quả chính qua giám định là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết cho Trần Thị V; Cơ chế, chiều hướng, vật, lực gây nên thương tích: Các thương tích do va chạm với vật tày gây nên, không xác định được chiều hướng, lực tác động mạnh; thời gian chết cách thời điểm khám nghiệm dưới 6 giờ.

Ng nhân chết của Lưu Thị Kh: Chết do Đa chấn thương. Kết luận khác: Các tổn thương ở mục kết quả chính qua giám định là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết

cho Lưu Thị Kh. Cơ chế, chiều hướng, vật, lực gây nên thương tích: Các thương tích do va chạm với vật tày gây nên, không xác định được chiều hướng, lực tác động mạnh; thời gian chết cách thời điểm khám nghiệm dưới 6 giờ.

Tại Kết luận giám định số 744/KL-KTHS ngày 26/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc G, kết luận:

Dấu vết gãy vỡ, mài sát sơn, nhựa, bám dính chất màu đen màu đỏ tại bên phải ba đờ sốc trước, cụm đèn trước bên phải của xe ô tô biển kiểm soát 98C-286.83, có chiều hướng từ trước về sau (ảnh số 14, 15, 16 bản ảnh khám phương tiện) phù hợp với dấu vết gãy vỡ, chùn cong, mài sát sơn, nhựa, kim loại, bám dính chất màu trắng tại bên trái xe mô tô biển kiểm soát 98H1-183.84 trong tư thế đứng gồm: Lốp bánh trước, mặt nạ, cánh yếm, giảm sóc trước, có chiều hướng từ trái sang phải (từ ảnh số 11 đến ảnh số 16, 19, 20 bản ảnh khám phương tiện).

Dấu vết mài sát, rách cao su tại lốp bánh trước bên phải của xe ô tô biển kiểm soát 98C-286.83, có hướng ngược chiều chuyển động tiến (ảnh số 17, 18, 19 bản ảnh khám phương tiện) phù hợp với dấu vết chùn cong, mài sát kim loại, bám dính chất màu đen tại cần số, để chân trước bên trái, bên trái vỏ máy, hộp xích của xe mô tô biển kiểm soát 98H1-183.84, có chiều hướng từ trái sang phải (từ ảnh số 23 đến ảnh số 27 bản ảnh khám phương tiện).

Dấu vết mài sát sơn, nhựa, cao su, kim loại, bám dính chất màu trắng (dạng bột đá) tại bên trái của xe mô tô biển kiểm soát 98H1-183.84 gồm: Ốp nhựa đầu xe, cần gương, tay nắm, tay xách phía sau, để chân sau được hình thành do va chạm với vật tày, có bề mặt không nhẵn (như mặt đường) tạo nên. Các dấu vết trên phù hợp với quá trình sau khi va chạm, xe mô tô biển kiểm soát 98H1-183.84 đổ nghiêng trái, văng rê trên mặt đường tạo nên dấu vết cày xước ký hiệu số 3.

Dấu vết mài trượt mặt đường ký hiệu số 2 phù hợp với quá trình sau khi va chạm, lốp bánh trước bên phải của xe ô tô biển kiểm soát 98C-286.83 rê trượt trên mặt đường tạo nên.

Dấu vết mảnh nhựa vỡ ký hiệu số 4, số 8 phù hợp với quá trình sau khi va chạm, các chi tiết nhựa trên xe ô tô biển kiểm soát 98C-286.83 và xe mô tô biển kiểm soát 98H1-183.84 gãy vỡ, rơi trên mặt đường tạo nên.

Vị trí va chạm giữa xe ô tô biển kiểm soát 98C-286.83 với xe mô tô biển kiểm soát 98H1-183.84 trên mặt đường tại trước điểm đầu dấu vết mài trượt ký hiệu số 2, thuộc chiều chuyển động bên phải đường Tỉnh lộ 398B (khi chia mặt đường thành hai phần bằng nhau). Không đủ căn cứ để xác định trong hay ngoài khu vực giao nhau giữa đường Tỉnh lộ 398B với đường nhánh.

Chiều hướng va chạm: Tại thời điểm xảy ra tai nạn xe ô tô biển kiểm soát 98C-286.83 chuyển động theo hướng xã Th đi xã Ng va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 98H1-183.84 ở phía trước, đầu xe hướng sang bên trái (theo chiều chuyển động của xe ô tô biển kiểm soát 98C- 86.83).

Ngoài dấu vết va chạm giữa xe ô tô biển kiểm soát 98C-286.83 với xe mô tô biển kiểm soát 98H1-183.84, trên hai phương tiện gửi giám định không phát hiện thấy dấu vết va chạm với phương tiện nào khác.

Không xác định được tốc độ của các phương tiện tại thời điểm xảy ra va chạm qua dấu vết cơ học.

Tại Kết luận giám định số 643/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc G, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép nội dung hình ảnh trong file

video có tên "07921342240507550 28.mp4", dung lượng 15,5MB, thời lượng 02 phút 33 giây lưu trữ trong đĩa DVD gửi giám định. Trích xuất được 30 hình ảnh thể hiện diễn biến sự việc có trong file video gửi giám định.

Trịnh Văn K điều khiển xe ô tô 98C-286.83 với tốc độ 60-65km/h đến gần đường giao nhau không chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn đã đâm vào xe mô tô do chị Trần Thị V chở bà Lưu Thị Kh đi từ đường không ưu tiên. Hành vi của K vi phạm khoản 1, 3 Điều 5 Thông tư số 31/2019 TTBGTVT ngày 29/8/2019 và quy định chung tại Điều 24 Luật giao thông đường bộ.

Trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra Trịnh Văn K đã bồi thường thiệt hại cho hai gia đình người bị hại mỗi gia đình 125.000.000 đồng; ngoài ra bồi thường 3.000.000 đồng chi phí sửa chữa xe mô tô BKS 98H1-183.84. Đến nay những người đại diện hợp pháp của bị hại là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại và làm đơn xin miễn, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Trịnh Văn K .

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Ranger, màu sơn trắng, biển kiểm soát 98C-286.83; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 2821106; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 0200566; 01 bản sao đăng ký xe ô tô số 98000653, biển kiểm soát 98C-286.83. Quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu của Vi Văn G. Ngày 02/6/2023 Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho anh G.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu sơn Đen, biển kiểm soát 98H1-183.84; 01 đăng ký xe mô tô số 006548, biển số 98H1-183.84; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 241205001267; 01 chứng nhận bảo hiểm xe mô tô số 210905479; 01 áo chống nắng, họa tiết hoa xanh đỏ; 01 quần dài màu đen. Quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu và đồ vật của Trần Thị V. Ngày 03/6/2023 Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Văn T là người đại diện hợp pháp của bị hại.

Đối với 01 áo phông dài tay, họa tiết màu nâu; 01 quần dài màu đen là đồ vật của Lưu Thị Kh. Ngày 03/6/2023 Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho ông Nguyễn Văn L là người đại diện hợp pháp của bị hại.

Quá trình điều tra, Trịnh Văn K thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 12/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Trịnh Văn K về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trịnh Văn K khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố.

Người đại diện hợp pháp của bị hại (chị V), anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và đề nghị HĐXX xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện cải tạo thành người biết tuân thủ pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát trình bầy bản luận tội; giữ nguyên Quyết định truy tố đối với Trịnh Văn K và đề nghị HĐXX: Căn cứ, điểm đ khoản 2 Điều 260, các b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, các điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn K 03 năm tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể

từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về quan điểm luận tội của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong HĐXX xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, nên có đủ căn cứ kết luận:Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/3/2023, tại đường Tỉnh lộ 398 thuộc thôn Đồng Long, xã Ng, huyện T; Trịnh Văn K (có giấy phép lái xe ô tô hạng B1) điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98C- 286.83 đến khu vực giao nhau đã không chú ý quan sát, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn dẫn đến đâm vào xe mô tô 98H1-183.84 do Trần Thị V điều khiển chở Lưu Thị Kh đi từ đường không ưu tiên qua đường ưu tiên. Hậu quả làm chị V, bà Kh tử vong.

Hành vi mà bị cáo Trịnh Văn K thực hiện khi tham gia giao thông đường bộ đã vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải; vi phạm quy định tại Điều 24 của Luật giao thông đường bộ.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Trịnh Văn K có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Trịnh Văn K về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm đ khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự, là có căn cứ.

[3] Về tính chất của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn khi tham gia giao thông đường bộ dẫn đến làm chết 02 người, do đó cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người biết tuân thủ pháp luật. Song, bị hại chị Trần Thị V cũng có lỗi khi tham gia giao thông đường bộ, điều khiển phương tiện tham gia giao thông trong máu có nồng độ cồn và khi đi qua đường giao nhau với đường ưu tiên không

nhường đường cho xe đang trên đường ưu tiên, vị phạm quy định tại khoản 23 Điều 8, khoản 3 Điều 24 Luật giao thông đường bộ. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Sau khi sảy ra tai nạn bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khác phục hậu quả cho gia đình bị hại; quá trình điều tra, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đại diện của bị hại có đơn xin miễn, giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo; ông nội bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, do đó cần áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

Xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần quyết định một mức hình phạt tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách tương ứng và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện để cải tạo bị cáo thành người lương thiện. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về vật chứng: C trả lại bị cáo 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B1.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho mỗi gia đình bị hại số tiền 125.000.000 đồng, sửa xe mô tô 3.000.000 đồng và đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, điểm đ khoản 2 Điều 260, các b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điêu 65 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, các điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn K 03 năm (ba năm) tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm (năm năm) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/8/2023.

Giao bị cáo Trịnh Văn K cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Trả lại bị cáo Trịnh Văn K 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B1; số 240152833439, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại (có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc G;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã L;
- Bị cáo; đại diện bị hại;
- Lưu hồ sơ.

T/**M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Giáp Quang Huy